TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH L

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/12/2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh L1.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn L2.

2. Bà Phạm Thị M.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Th1 – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện M.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 108/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ngọc Th, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BPT, huyện M, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn BPT, huyện M, tỉnh L.

Bà Th có mặt; ông K vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Ngọc Th: Bà Đỗ Thị Ngọc Th yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn K; về con chung, có một con chung tên Võ Thành L3, sinh ngày 15/10/2017, hiện đang sống chung với bà Th; bà Th đề nghị nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung bà Th không yêu cầu giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của ông Võ Văn K: Ông K vắng mặt, không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do bà Đỗ Thị Ngọc Th cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của bà Th (photo); giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh (bản sao), bản tự khai.

Chứng cứ do ông Võ Văn K cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Bà Th trình bày: Bà Th và ông K chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã BPT vào năm 2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, vợ chồng có một con chung là Võ Thành L3, sinh ngày 15/10/2017. Sau khi có con chung thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông K hay hành hạ đánh chửi bà Th. Bà Th nhiều lần khuyên can để ông K suy nghĩ lại nhưng ông K vẫn không thay đổi. Bà Th nhận thấy vợ chồng đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn lớn, tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà Th không còn tình cảm với ông K. Do đó, bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Về con chung đang sống với bà Th, bà Th yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết. Bà Th đề nghị không công khai bản án trên cổng thông tin điện tử Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*:* Bà Đỗ Thị Ngọc Th và ông Võ Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn BPT, huyện M, tỉnh L và có giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về việc giải quyết vắng mặt ông Võ Văn K: Ông Võ Văn K vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt ông K.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Ngọc Th đối với ông Võ Văn K:

[3.1]. Bà Th trình bày về mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân. Ông K vắng mặt, không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ phản bác lời trình bày của bà Th nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của bà Th để giải quyết theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2]. Theo lời trình bày của bà Th, ông K không lo làm ăn, không quan tâm cuộc sống của vợ con. Điều này thể hiện hai bên không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc ông K vắng mặt thể hiện ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Th xác định không còn tình cảm với ông K, điều này thể hiện tình nghĩa vợ chồng giữa bà Th và ông K không còn vì hôn nhân chỉ có thể tồn tại khi cả hai còn tình cảm với nhau. Đồng thời, thể hiện việc chung sống giữa bà Th và ông K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 5, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th đối với ông K.

[4]. Về yêu cầu nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung của bà Đỗ Thị Ngọc Th đối với ông Võ Văn K: Con chung tên Võ Thành L3, sinh ngày 15/10/2017, hiện đang sống với bà Th, con chung từ nhỏ sinh sống với bà Th nên bà Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung sẽ tốt hơn, giúp cho con chung phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Do đó, căn cứ Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Th. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; ông K vắng mặt, không có ý kiến, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ngọc Th phải chịu án phí hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Ngọc Th đối với ông Võ Văn K, cho bà Th được ly hôn ông K.

2. Căn cứ vào Điều 69, Điều 70, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử: Chấp nhận yêu cầu về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Đỗ Thị Ngọc Th, bà Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Võ

Thành L3, sinh ngày 15/10/2017, hiện đang sống với bà Th, ông Võ Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình.

4. Căn cứ vào Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này.

5. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Buộc bà Đỗ Thị Ngọc Th phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí Hôn nhân - gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước, chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai số 0000057 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M sang thi hành án phí, bà Th đã nộp đủ án phí.

6. Căn cứ vào các Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bà Đỗ Thị Ngọc Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- VKSND huyện M;
- CC.THADS huyện M;
- UBND thị trấn BPT, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh L1